

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 04/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 2551/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình (sau đây gọi tắt là Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban ngành và chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Dự án cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

c) Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Dự án 2 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Dự án có trọng tâm, trọng điểm (trong đó ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao).

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ tối đa 50% ngân sách Trung ương của Tiểu dự án 1 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$Đ_i$ là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Tiểu dự án 1 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (trong đó ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ tối đa 50% ngân sách trung ương của Tiểu dự án 2 cho Sở Y tế (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

- Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện	Hệ số
Trên 15%	1,6
Từ 10% đến 15%	1,4
Từ 5% đến dưới 10%	1,2
Dưới 5%	1

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i.DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương để phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Tiểu dự án 2 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (*trong đó ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao*) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

a) Phân bổ tối đa 50% ngân sách Trung ương của Tiểu dự án 1 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

- Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	Hệ số
Dưới 500 người/năm	0,1
Từ 500 người/năm đến dưới 800 người/năm	0,2
Từ 800 người/năm trở lên	0,3

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống kê.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Tiểu dự án 1 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (*trong đó ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao*) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án 3 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	Hệ số
Dưới 30.000 người	1
Từ 30.000 đến dưới 50.000 người	1,3
Từ 50.000 đến dưới 70.000 người	1,6

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	Hệ số
Từ 70.000 đến dưới 80.000 người	1,9
Từ 80.000 người trở lên	2,2

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện căn cứ vào số liệu kết quả điều tra thị trường lao động năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống kê.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Tiểu dự án 3 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (trong đó, ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án 1 cho Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Tiểu dự án 1 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (*trong đó ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao*) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án 2 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Tiểu dự án 2 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (trong đó ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương của Dự án 7 cho các Sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình; tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

c) Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 7.

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện Dự án 7 của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không đảm bảo để triển khai Dự án 7 tại địa phương thì giao cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (trong đó ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

Điều 10. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc chương trình

1. Ủy ban nhân dân các cấp bố trí nguồn vốn thực hiện Chương trình từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

2. Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương

a) Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách tỉnh, đối ứng hàng năm tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ cho các Sở, ban ngành tỉnh thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, hàng năm bố trí ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương phân bổ cho địa phương thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2022./. *KV*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, LĐ-TB và XH, KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, LĐ-TB và XH, KH và ĐT, TC, YT, NN và PTNT, TT-TT, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT - TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái